

UBND HUYỆN LẠNG GIANG
UBND XÃ HƯƠNG SƠN

**BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ THỰC HIỆN
DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CẤP CƠ SỞ**

Tên dự án:

**Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất
dứa trái vụ tại xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang**

Cơ quan chủ trì: UBND xã Hương Sơn, Lạng Giang

Chủ nhiệm dự án: Ths. Vũ Thị Phương

Thời gian thực hiện: 18 tháng (từ tháng 2/2023 - 7/2024)

Lạng Giang, tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Tên dự án:

Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất dưa trái vụ tại xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang.

Họ và tên chủ nhiệm dự án: Ths. Vũ Thị Phương

Tên cộng tác viên:

- Ths. Đào Trọng Nghĩa

- Ks. Vũ Đình Tùng

Cơ quan chủ trì: UBND xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang.

Địa chỉ: Thôn Kép 11, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang.

Tên cơ quan phối hợp:

- Hội Nông dân xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang.

- Hợp tác xã dưa sạch Hương Sơn, huyện Lạng Giang.

Nơi thực hiện dự án:

Xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

Thời gian thực hiện: 18 tháng (từ tháng 02/2023 - 7/2024)

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

1. HTX: Hợp tác xã
2. KH&CN: Khoa học và Công nghệ
3. ĐVT: Đơn vị tính
4. SNKH: Sự nghiệp khoa học
5. TB: Trung bình
6. UBND: Ủy ban nhân dân
7. BVTV: Bảo vệ thực vật
8. Ths: Thạc sỹ
9. CN: Cử nhân
10. Ks: Kỹ sư

DANH MỤC BẢNG BIỂU	Trang
Bảng 1: Danh sách các hộ tham gia dự án	10
Bảng 2: Danh sách, diện tích các hộ sản xuất dừa trái vụ sớm	11
Bảng 3: Kết quả các chỉ tiêu về sinh trưởng phát triển của mô hình dừa trái vụ	13
Bảng 4: Kết quả theo dõi các chỉ tiêu về năng suất dừa	13
Bảng 5: Kết quả theo dõi các chỉ tiêu về chất lượng dừa	14
Bảng 6: Theo dõi các chỉ tiêu về sâu bệnh hại	15
Bảng 7: Theo dõi hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất dừa	15
Bảng 8: Hiệu quả kinh tế của dự án	16

	MỤC LỤC	Trang
I.	KHÁI QUÁT DỰ ÁN	5
1.	Căn cứ pháp lý triển khai dự án	5
2.	Sự cần thiết của dự án	5
3.	Mục tiêu của dự án	6
3.1.	Mục tiêu chung	6
3.2.	Mục tiêu cụ thể	7
4.	Nội dung của dự án	7
II.	TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN	8
1.	Tổ chức thực hiện	8
2.	Địa điểm, số lượng cây giống, thời gian và kỹ thuật triển khai mô hình	11
2.1.	Mô hình sản xuất dưa trái vụ muộn	11
2.2.	Mô hình sản xuất dưa trái vụ sớm	11
3.	Quản lý tài chính của dự án	12
III.	KẾT QUẢ DỰ ÁN	13
1.	Xây dựng mô hình sản xuất dưa trái vụ	13
1.1	Kết quả theo dõi các chỉ tiêu về sinh trưởng phát triển	13
1.2.	Kết quả theo dõi các chỉ tiêu về năng suất	13
1.3.	Kết quả theo dõi các chỉ tiêu về chất lượng dưa	14
1.4.	Kết quả theo dõi các chỉ tiêu về sâu bệnh hại	15
1.5.	Đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất dưa	15
2.	Hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật	16
3.	Tổ chức hội nghị tập huấn	16
4.	Tổ chức hội nghị đầu bờ	16
IV.	HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN	16
1.	Hiệu quả kinh tế	16
2.	Hiệu quả về mặt xã hội	17
V.	BÀI HỌC KINH NGHIỆM	17
VI.	KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ	18
1.	Kết luận	18
2.	Đề nghị	18

I. KHÁI QUÁT DỰ ÁN

1. Căn cứ pháp lý triển khai dự án

- Căn cứ chủ trương phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025;
- Căn cứ Nghị quyết số 401-NQ/TU, ngày 3/4/2019 của Tỉnh ủy về chiến lược phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035;
- Căn cứ Kế hoạch số 685/KH-UBND ngày 23/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025.
- Kế hoạch 115/KH-UBND ngày 30/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang thực hiện Nghị quyết số 401-NQ/TU, ngày 3/4/2019 của Tỉnh ủy về chiến lược phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.
- Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về ban hành Quy định định mức xây dựng dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;
- Căn cứ Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về ban hành Quy định quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Bắc Giang;
- Căn cứ Kế hoạch số 87/KH-HU ngày 30/11/2022 của Huyện Ủy Lạng Giang về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
- Căn cứ Quyết định số 410/QĐ-KHCN ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Sở Khoa học và công nghệ về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở thực hiện năm 2023.
- Căn cứ Quyết định số 51/QĐ-KHCN ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt dự án KH&CN cấp cơ sở “Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất dừa trái vụ tại xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang”.

2. Sự cần thiết của dự án

Tỉnh Bắc Giang đã ban hành kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025. Lạng Giang là huyện có diện tích trồng dừa khá lớn của tỉnh Bắc Giang với diện tích khoảng 330 ha tập trung ở các xã Hương Sơn, Hương Lạc, Tiên Lục, Tân Thanh... trong đó giống Dừa Queen chiếm 70% diện tích. Huyện Lạng Giang đang tập trung cho thực hiện nhiệm vụ khoa học “Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Dừa Lạng Giang”.

Hiện nay trên địa bàn xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang có nhiều hộ gia đình trồng Dừa, đã thành lập 01 Hợp tác xã Dừa sạch Hương Sơn với 31 thành

viên, quy mô diện tích khoảng 150 ha. Tuy nhiên diện tích dứa thu hoạch tập trung nhiều vào tháng 5 đến tháng 7 hàng năm, ngoài thời điểm trên xã hầu như không có dứa nên chưa đáp ứng hết nhu cầu của khách hàng; tình trạng được mùa, mất giá thường xuyên xảy ra. Chính vì vậy, việc sản xuất Dứa trái vụ sẽ giúp người dân thu hoạch rải vụ, tránh tình trạng được mùa mất giá từ đó giúp nâng cao giá trị sản phẩm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống của người sản xuất Dứa.

Xuất phát từ thực tế đó, chúng tôi đề xuất và triển khai dự án “Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất dứa trái vụ tại xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang” nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng và thế mạnh của địa phương, góp phần tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân vùng triển khai dự án.

3. Mục tiêu của dự án

3.1. Mục tiêu chung

Xây dựng thành công mô hình sản xuất dứa trái vụ tại xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng thành công mô hình sản xuất dứa trái vụ tại xã Hương Sơn, diện tích 6 ha, hiệu quả kinh tế tăng 20% so với sản xuất dứa chính vụ.
- Xây dựng bản hướng dẫn kỹ thuật sản xuất dứa trái vụ phù hợp với điều kiện địa phương.

4. Nội dung của dự án

Nội dung 1: Xây dựng mô hình sản xuất dứa trái vụ

- Địa điểm: tại xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang.

- Thời gian: Từ tháng 2/2023 – 4/2024.

+ Vụ sớm: Thu hoạch từ tháng 1-4/2024;

Thời điểm trồng: Từ tháng 12/2022 – 3/2023

Thời điểm xử lý ra hoa: Từ tháng 7 – 10/2023.

Thời điểm thu hoạch: Từ tháng 1-4/2024.

+ Vụ muộn: Thu hoạch từ tháng 8-11/2023

Thời điểm trồng: Từ tháng 5-8/2022

Thời điểm xử lý ra hoa: Từ tháng 2 – 5/2023.

Thời điểm thu hoạch: Từ tháng 8 – 11/2023

- Quy mô: 06 ha, trong đó 04 ha dứa trái vụ sớm, 02 ha dứa trái vụ muộn.

- Giống cây dứa: Queen

Nội dung 2: Xây dựng bản hướng dẫn kỹ thuật sản xuất dứa trái vụ phù hợp với điều kiện thực tế tại huyện Lạng Giang.

Trên cơ sở kết quả theo dõi các chỉ tiêu của mô hình sản xuất dứa trái vụ tại xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang. Đơn vị chủ trì sẽ xây dựng 01 bản hướng dẫn kỹ thuật sản xuất dứa trái vụ phù hợp với điều kiện thực tế tại huyện Lạng Giang.

Nội dung 3: Tổ chức 01 hội nghị tập huấn

- Thời gian: Từ tháng 2 – 4/2023 (1 ngày/hội nghị)
- Số lượng đại biểu: 50 đại biểu tham dự
- Thành phần: Các hộ dân có nhu cầu sản xuất dừa trái vụ trên địa bàn xã

Hương Sơn.

- Nội dung: Kỹ thuật sản xuất dừa trái vụ

Nội dung 4: Tổ chức 01 hội nghị đầu bờ

- Thời gian: Từ tháng 2-4/2024 (1 ngày/hội nghị)
- Số lượng đại biểu: 50 đại biểu tham dự
- Thành phần: Đại diện các đơn vị phối hợp thực hiện dự án; đại diện

Phòng Kinh tế Hạ tầng, Trung tâm Kỹ thuật và Dịch vụ nông nghiệp, Hội nông dân huyện Lạng Giang; các tổ chức đoàn thể của xã Hương Sơn; các hộ dân tham gia dự án.

- Nội dung: Tham quan mô hình và đánh giá kết quả của mô hình sản xuất

dừa trái vụ tại xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang.

Nội dung 5: Xây dựng báo cáo kết quả thực hiện dự án**II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN****1. Tổ chức thực hiện**

- Cơ quan chủ trì đã thành lập nhóm triển khai thực hiện dự án, có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Nội dung công việc tham gia
1	Ths. Vũ Thị Phương	- Chủ trì xây dựng thuyết minh dự án; - Phối hợp với HTX Dừa sạch Hương Sơn lựa chọn hộ dân để triển khai mô hình - Đàm phán ký kết hợp đồng mua vật tư phục vụ dự án. - Cấp phát vật tư cho các hộ dân tham gia dự án. - Xây dựng kế hoạch triển khai các nội dung của dự án, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai các nội dung của dự án. - Chủ trì theo dõi các chỉ tiêu của mô hình sản xuất dừa trái vụ. - Tổng hợp số liệu, hoàn thiện quy trình kỹ thuật. - Chủ trì xây dựng báo cáo tổng kết dự án.

TT	Họ và tên	Nội dung công việc tham gia
2	Ths. Đào Trọng Nghĩa	- Phối hợp tổng hợp số liệu, xây dựng thuyết minh dự án - Trực tiếp hướng dân kỹ thuật xử lý dứa ra hoa trái vụ cho các hộ gia đình với quy mô 6 ha. - Phối hợp theo dõi các chỉ tiêu của mô hình sản xuất dứa trái vụ. - Phối hợp tổng hợp số liệu, hoàn thiện quy trình kỹ thuật. - Phối hợp tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo tổng kết dự án.
3	Ks. Vũ Đình Tùng	- Triển khai và theo dõi các chỉ tiêu về sinh trưởng, tỷ lệ đậu quả, năng suất, sản lượng và hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất Dứa trái vụ. - Xây dựng kế hoạch và tổ chức hội nghị tập huấn, hội nghị đầu bờ.

Bảng 1. Danh sách các hộ tham gia dự án

TT	Họ và tên	Địa chỉ (thôn)	Diện tích (ha)	Thời vụ
1	Trần Văn Tuyên	Thôn Kép 11	1	Trái vụ muộn
2	Đàm Văn La	Thôn Hương 8	1	
3	Dương Văn Hiền	Thôn Kép 11	0,3	Trái vụ sớm
4	Vi Văn Thỏ	Thôn Hương Thân	0,3	
5	Nguyễn Văn Lai	Thôn Hương Thân	0,2	
6	Đặng Văn Quang	Thôn Kép 11	0,7	
7	Dương Văn Thuận	Thôn Kép 11	0,5	
8	Giáp Văn Sinh	Thôn Hương Thân	0,3	
9	Nguyễn Hải Đăng	Thôn Kép 11	0,4	
10	Đặng Văn Quyền	Thôn Kép 11	0,3	
11	Đặng Văn Hai	Thôn Kép 11	0,5	
12	Đàm Văn Hà	Thôn Hương 8	0,5	
	Cộng:		6 ha	

2. Địa điểm, số lượng cây giống, thời gian và kỹ thuật triển khai mô hình

2.1. Mô hình sản xuất dứa trái vụ muộn (thu hoạch tháng 8 -11/2023)

2.1.1. Địa điểm triển khai

Đơn vị chủ trì đã phối hợp với HTX Dừa sạch Hương Sơn lựa chọn 02 hộ tham gia mô hình với diện tích 2 ha. Cụ thể như sau:

- + Hộ 1: Trần Văn Tuyên - Thôn Kép 11, xã Hương Sơn; quy mô 1 ha.
- + Hộ 2: Đàm Văn La - Thôn Hưởng 8, xã Hương Sơn; quy mô 1 ha.

2.1.2. Số lượng cây giống: 40.000 cây/ha x 2 ha = 80.000 cây

2.1.3. Thời gian triển khai mô hình:

- Thời điểm trồng: Từ tháng 5-8/2022 (sử dụng cây giống đã được các hộ trồng từ tháng 5-8/2022)

- Thời điểm xử lý ra hoa: Từ tháng 2 – 5/2023.

- Thời gian theo dõi mô hình: Từ tháng 2 – 11/2023

- Thời điểm thu hoạch: Từ tháng 8 – 11/2023

2.1.4. Kỹ thuật xử lý dừa ra hoa trái vụ muộn

- Thời gian xử lý dừa ra hoa trái vụ: Từ tháng 2 – 5/2023.

- Phương pháp xử lý: Sử dụng Ethephon pha ở nồng độ 0,4 - 0,5 %, trộn thêm 1,5 % urê và phun đều cho toàn cây, lượng phun khoảng 25-30 ml/cây. Xử lý vào lúc trời râm mát (3 - 6 giờ chiều)

- Tiêu chuẩn cây xử lý ra hoa: Dừa Queen, sau trồng 6-8 tháng, khi cây có trên 32 lá hoạt động, lá dừa dày và to bản, chiều dài đạt > 0,8 m.

- Quy trình trồng, chăm sóc: Áp dụng quy trình trồng, chăm sóc dừa trái vụ theo thuyết minh dự án.

2.2. Mô hình sản xuất dừa trái vụ sớm (thu hoạch tháng 1 – 4/2024)

2.2.1. Địa điểm triển khai

Đơn vị chủ trì đã phối hợp với HTX Dừa sạch Hương Sơn lựa chọn 10 hộ gia đình để triển khai mô hình. Cụ thể như sau:

Bảng 2. Danh sách, diện tích các hộ gia đình sản xuất dừa trái vụ sớm

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích (ha)
1	Dương Văn Hiền	Thôn Kép 11, xã Hương Sơn	0,3
2	Vì Văn Thỏa	Thôn Hương Thân, xã Hương Sơn	0,3
3	Nguyễn Văn Lai	Thôn Hương Thân, xã Hương Sơn	0,2
4	Đặng Văn Quang	Thôn Kép 11, xã Hương Sơn	0,7
5	Dương Văn Thuận	Thôn Kép 11, xã Hương Sơn	0,5
6	Giáp Văn Sinh	Thôn Hương Thân, xã Hương Sơn	0,3
7	Nguyễn Hải Đăng	Thôn Kép 11, xã Hương Sơn	0,4
8	Đặng Văn Quyền	Thôn Kép 11, xã Hương Sơn	0,3
9	Đặng Văn Hai	Thôn Kép 11, xã Hương Sơn	0,5
10	Đàm Văn Hà	Thôn Hưởng 8, xã Hương Sơn	0,5
	Cộng:		4 ha

2.2.2. *Số lượng cây giống*: 40.000 cây/ha x 4 ha = 160.000 cây

2.2.3. *Thời gian triển khai mô hình*:

- Thời điểm trồng: Từ tháng 12/2022 – 3/2023 (sử dụng một phần cây giống đã trồng từ tháng 12/2022)

- Thời điểm xử lý ra hoa: Từ tháng 7 – 10/2023.

- Thời gian theo dõi mô hình: Từ tháng 7/2023 – 4/2024

- Thời điểm thu hoạch: Từ tháng 1 - 4/2024.

2.2.4. *Kỹ thuật xử lý dừa ra hoa trái vụ sớm*

- Thời gian xử lý dừa ra hoa trái vụ sớm: Từ tháng 7 – 10/2023.

- Phương pháp xử lý: Sử dụng Ethephon pha ở nồng độ 0,4 - 0,5 %, trộn thêm 1,5 % urê và phun đều cho toàn cây, lượng phun khoảng 25-30 ml/cây. Xử lý vào lúc trời râm mát (4 - 7 giờ chiều)

- Tiêu chuẩn cây xử lý ra hoa: Dừa Queen, sau trồng 6-8 tháng, khi cây có trên 32 lá hoạt động, lá dừa dày và to bản, chiều dài đạt > 0,8 m.

- Quy trình trồng, chăm sóc: Áp dụng quy trình trồng, chăm sóc dừa trái vụ theo thuyết minh dự án.

3. Quản lý tài chính của dự án

- Tổng kinh phí thực hiện dự án: 292.150.000 đồng, trong đó:

+ Hỗ trợ từ ngân sách SNKH: 85.000.000 đồng

+ Vốn đối ứng của các hộ dân: 207.150.000 đồng.

III. KẾT QUẢ DỰ ÁN

1. Xây dựng mô hình sản xuất dừa trái vụ

1.1. Kết quả theo dõi các chỉ tiêu về sinh trưởng phát triển

Bảng 3. Kết quả các chỉ tiêu về sinh trưởng phát triển của mô hình dừa trái vụ

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Trái vụ muộn	Trái vụ sớm	Chính vụ (Đối chứng)
1	Chiều cao cây	cm	80	80	80
2	Số lá trên cây	lá	40	40	40
3	Chiều dài lá	cm	80	80	80
4	Chiều rộng lá	cm	05	05	05
5	Thời gian từ trồng - xử lý ra hoa	ngày	225	195	195

Các chỉ tiêu về khả năng sinh trưởng của cây dừa trái vụ sớm, trái vụ muộn và chính vụ là tương đương nhau. Cụ thể như sau: khi thu hoạch, chiều cao cây đạt TB 80 cm, số lá trên cây 40 lá, chiều dài lá 80 cm, chiều rộng lá 5 cm.

Thời gian từ trồng đến xử lý ra hoa của dưa trái vụ muộn là 225 ngày, dài hơn sơ với dưa trái vụ sớm và chính vụ TB 195 ngày.

1.2. Kết quả theo dõi các chỉ tiêu về năng suất

Bảng 4. Kết quả theo dõi các chỉ tiêu về năng suất dưa

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Trái vụ muộn	Trái vụ sớm	Chính vụ (Đối chứng)
1	Tỷ lệ ra quả	%	99	98	98
2	Chiều dài quả	cm	10,50	15,5	15
3	Đường kính quả	cm	7,50	9,5	9,5
4	Trọng lượng quả	gram	820	1.000	765
5	Năng suất	tấn/ha	32,50	39,2	30

1.3. Kết quả theo dõi các chỉ tiêu về chất lượng dưa

Bảng 5. Kết quả theo dõi các chỉ tiêu về chất lượng dưa

TT	Các chỉ tiêu	Trái vụ muộn	Trái vụ sớm	Chính vụ (Đối chứng)
1	Hình dạng quả	Dưa hình trụ, rắn, quả tươi, không dập nát	Dưa hình trụ, rắn, quả tươi, không dập nát	Dưa hình trụ, rắn, quả tươi, không dập nát
2	Màu sắc quả khi chín	Quả khi chín màu hơi vàng, lá xanh	Quả khi chín màu vàng, lá xanh	Quả khi chín màu vàng, lá xanh
3	Mùi hương khi quả chín	Mùi hương thơm đặc trưng	Mùi hương thơm đặc trưng	Mùi hương thơm đặc trưng
4	Hương vị khi thử nếm	Thịt dưa giòn, vị ngọt xen lẫn vị chua nhẹ, không có mùi lạ	Thịt dưa giòn, vị ngọt xen lẫn vị chua nhẹ, không có mùi lạ	Thịt dưa giòn, vị ngọt xen lẫn vị chua nhẹ, không có mùi lạ
5	Độ Brix (%)	16	16	16

1.4. Kết quả theo dõi các chỉ tiêu về sâu bệnh hại

Bảng 6. Theo dõi các chỉ tiêu về sâu bệnh hại

TT	Các chỉ tiêu	Trái vụ muộn	Trái vụ sớm	Chính vụ (Đối chứng)
1	Rệp sáp	0	0	0
2	Nhện đỏ	0	0	0
3	Bọ cánh cứng	0	0	0
4	Bệnh héo khô đầu lá	Nhẹ	Nhẹ	Nhẹ
5	Bệnh thối ngọn	Nhẹ	Nhẹ	Nhẹ
6	Bệnh thối thân, thối gốc	Nhẹ	Nhẹ	Nhẹ
7	Bệnh thối quả	0	0	0

1.5. Đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất dưa

Bảng 7. Theo dõi hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất dưa

(ĐVT: Triệu đồng/ha/vụ)

TT	Nội dung	Trái vụ muộn	Trái vụ sớm	Chính vụ (Đối chứng)	So sánh/đối chứng	
					Vụ muộn (%)	Vụ sớm (%)
1	Tổng thu	455	329	240	189	137
		32,5 tấn x 14.000 đ/kg	39,2 tấn x 10.000 đ/kg	30 tấn x 8.000 đ/kg		
2	Tổng chi	150	163	135	111	121
	Giống cây	16	16	16		
	Phân bón	92	92	92		
	Thuốc BVTV	0,5	0,5	0		
	Bạt dầy bảo vệ dưa	0	1	0		
	Công cải tạo đất	7	7	7		
	Công lao động	34,5	46,5	20,0		
3	Lợi nhuận	305	229	105	290	218

2. Hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật

Trên cơ sở kết quả theo dõi các chỉ tiêu của mô hình sản xuất dưa trái vụ, đơn vị chủ trì đã hoàn thiện 01 bản hướng dẫn kỹ thuật sản xuất dưa trái vụ phù hợp với điều kiện thực tế tại huyện Lạng Giang.

3. Tổ chức hội nghị tập huấn

Đơn vị chủ trì đã phối hợp với Hội Nông dân xã, HTX Dứa sạch Hương Sơn tổ chức 01 hội nghị tập huấn về kỹ thuật sản xuất dứa trái vụ cho 50 lượt người tham dự. Kết quả các hộ dân đã nắm bắt được quy trình kỹ thuật chăm sóc, xử lý dứa ra hoa trái vụ, xử lý phụ phẩm (thân, lá dứa) sau khi thu hoạch làm phân bón hữu cơ phù hợp với điều kiện thực tế và quy mô của từng hộ gia đình và những vấn đề cần lưu ý trong quá trình xử lý, chăm sóc dứa trái vụ.

4. Tổ chức hội nghị đầu bờ

Đơn vị chủ trì đã phối hợp với Hội Nông dân xã, HTX Dứa sạch Hương Sơn tổ chức 01 hội nghị đầu bờ với 50 đại biểu tham dự nhằm đánh giá kết quả của mô hình sản xuất dứa trái vụ tại xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang.

IV. HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN

1. Hiệu quả kinh tế

Bảng 8: Hiệu quả kinh tế của dự án

(ĐVT: triệu đồng)

TT	Nội dung	Trái vụ muộn (2 ha)	Trái vụ sớm (4 ha)	Tổng cộng (6 ha)
1	Tổng thu	910	1.316	2.226
2	Tổng chi	300	652	952
3	Lợi nhuận	610	916	1.526

Lợi nhuận của mô hình dứa trái vụ muộn với quy mô 2 ha đạt 610 triệu đồng, dứa trái vụ sớm với quy mô 4 ha đạt 916 triệu đồng. Tổng lợi nhuận của dự án với quy mô 6 ha đạt 1.526 triệu đồng, trung bình mỗi ha đạt 254 triệu đồng. Tổng diện tích dứa trái vụ toàn xã hiện nay là 90 ha cho lợi nhuận 22.860 triệu đồng/vụ.

2. Hiệu quả xã hội

- Khai thác tối đa diện tích đất đồi, bãi cần cỗi, hiệu quả kinh tế thấp để sản xuất dứa trái vụ, góp phần phủ xanh và cải tạo diện tích đất trống đồi núi cần cỗi.

- Bổ sung phương pháp canh tác mới có tác dụng rải vụ thu hoạch dứa đáp ứng nhu cầu của thị trường, góp phần giảm tình trạng được mùa mất giá do thu hoạch ồ ạt, đem lại hiệu quả kinh tế cho người dân cao hơn 136 % so với sản xuất dứa chính vụ.

- Thay đổi nhận thức của người dân trồng dứa trong việc sản xuất trái vụ nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và thu nhập.

- Tạo việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập và cải thiện cuộc sống của người dân khu nông thôn, miền núi của huyện Lạng Giang.
- Dự án thành công sẽ là mô hình điểm để người dân tham quan, học tập và nhân rộng mô hình trên địa bàn toàn tỉnh.
- Thông qua dự án sẽ đào tạo được 02 cán bộ kỹ thuật và 50 hộ dân nắm vững quy trình kỹ thuật sản xuất dứa trái vụ.

V. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

- Cán bộ kỹ thuật tham gia thực hiện dự án phải là những người tâm huyết với sản xuất nông nghiệp, tuyệt đối tuân thủ các quy trình kỹ thuật; có kiến thức nhất định về trồng trọt và công nghệ sinh học.
- Địa bàn triển khai: Nên chọn những mô hình tại các HTX, đơn vị, hộ gia đình tâm huyết với sản xuất dứa trái vụ.
- Lựa chọn kỹ thuật: Kỹ thuật xử lý dứa ra hoa trái vụ và xử lý phụ phẩm sau thu hoạch làm phân bón hữu cơ

VI. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Kết luận

- Dự án triển khai đúng tiến độ, đảm bảo nội dung và đạt mục tiêu đề ra.
- Dự án đã xây dựng thành công mô hình sản xuất dứa trái vụ tại xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang với quy mô 6 ha, hiệu quả kinh tế tăng 136 % so với dứa chính vụ. Cụ thể như sau:
 - + Mô hình sản xuất dứa trái vụ muộn với quy mô 2 ha cho thu hoạch hoạch quả từ tháng 8 -11/2023, tỷ lệ đậu quả đạt 99%, trọng lượng quả đạt 820 gram/quả, năng suất đạt 32,5 tấn/ha, thu lãi 305 triệu đồng/ha;
 - + Mô hình sản xuất dứa trái vụ sớm với quy mô 4 ha cho thu hoạch hoạch quả từ tháng 1-4/2024, tỷ lệ đậu quả đạt 98%, trọng lượng quả đạt 1.000 gram/quả, năng suất đạt 39,2 tấn/ha, thu lãi 229 triệu đồng/ha;
- Dự án đã hoàn thiện 01 bản hướng dẫn kỹ thuật sản xuất dứa trái vụ phù hợp với điều kiện thực tế tại huyện Lạng Giang
- Công tác tập huấn: Đơn vị chủ trì đã phối hợp với Hội Nông dân xã, HTX Dứa sạch Hương Sơn tổ chức 01 hội nghị tập huấn về kỹ thuật sản xuất dứa trái vụ cho 50 lượt người tham dự.
- Công tác tổ chức hội nghị đầu bờ: Đơn vị chủ trì đã phối hợp với Hội Nông dân xã, HTX Dứa sạch Hương Sơn tổ chức 01 hội nghị đầu bờ với 50 đại biểu tham dự nhằm đánh giá kết quả của mô hình sản xuất dứa trái vụ tại xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang.

2. Đề nghị

- Cơ quan chủ trì cùng với các cấp chính quyền tiếp tục tuyên truyền về hiệu quả kinh tế, xã hội của mô hình sản xuất dựa trái vụ để người dân tham quan học tập và nhân rộng mô hình.
- Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang tổ chức nghiệm thu dự án.

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Vũ Thị Phương

CƠ QUAN CHỦ TRÌ
(Ký tên, đóng dấu)



Vũ Văn Báo

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

Kết quả theo dõi các chỉ tiêu của mô hình dứa trái vụ muộn

- Khả năng sinh trưởng tại các thời điểm

TT	Chỉ tiêu theo dõi	Thời điểm theo dõi		
		Khi trồng	Kích ra hoa	Thu hoạch
1	Chiều cao cây (cm)	65	70	80
2	Số lá trên cây (lá)	25	40	40
3	Chiều dài lá (cm)	65	80	80
4	Chiều rộng lá (cm)	03	05	05
5	Thời gian từ trồng đến đủ tiêu chuẩn xử lý ra hoa	7-8 tháng		

- Tỷ lệ đậu quả

TT	Hộ gia đình	Tỷ lệ đậu quả (%)	Ghi chú
1	Trần Văn Tuyên	100	
2	Đàm Văn La	98	
	TB	99	

- Các yếu tố cấu thành năng suất

TT	Hộ gia đình	Chỉ tiêu theo dõi			
		Trọng lượng quả (gram)	Kích thước quả (cm)		Năng suất (tấn/ha)
			Dài	Đường kính	
1	Trần Văn Tuyên	833	11,00	8,00	33
2	Đàm Văn La	808	10,00	7,00	32
	TB	820	10,50	7,50	32,50

Phụ lục 2

Kết quả theo dõi các chỉ tiêu của mô hình dứa trái vụ sớm

- Khả năng sinh trưởng tại các thời điểm

TT	Chỉ tiêu theo dõi	Thời điểm theo dõi		
		Khi trồng	Kích ra hoa	Thu hoạch
1	Chiều cao cây (cm)	75	80	80
2	Số lá trên cây (lá)	30	40	40
3	Chiều dài lá (cm)	70	80	80
4	Chiều rộng lá (cm)	3,5	5	5
5	Thời gian từ trồng đến đủ tiêu chuẩn xử lý ra hoa	6- 7 tháng		

- Tỷ lệ đậu quả

TT	Hộ gia đình	Tỷ lệ đậu quả (%)
1	Dương Văn Hiền	99
2	Vi Văn Thỏa	96
3	Nguyễn Văn Lai	99
4	Đặng Văn Quang	98
5	Dương Văn Thuận	97
6	Giáp Văn Sinh	98
7	Nguyễn Hải Đăng	99
8	Đặng Văn Quyền	97
9	Đặng Văn Hai	100
10	Đàm Văn Hà	97
	TB	98

- Các yếu tố cấu thành năng suất

TT	Hộ gia đình	Chỉ tiêu theo dõi			
		Trọng lượng quả (gram)	Kích thước quả (cm)		Năng suất (tấn/ha)
			Dài	Đường kính	
1	Dương Văn Hiền	850	14,3	9,1	33,32
2	Vi Văn Thỏa	950	15,2	9,2	37,24
3	Nguyễn Văn Lai	1.100	16,0	10,1	43,12
4	Đặng Văn Quang	1.000	15,5	9,5	39,20
5	Dương Văn Thuận	930	15,1	9,3	41,94
6	Giáp Văn Sinh	1.000	15,5	9,5	39,20
7	Nguyễn Hải Đăng	1.070	15,6	9,6	36,46
8	Đặng Văn Quyền	900	15,0	9,0	35,28
9	Đặng Văn Hai	1.050	15,7	9,7	41,16
10	Đàm Văn Hà	1.150	16,7	10	45,08
	TB	1.000	15,5	9,5	39,2

